TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **72**/2026/HS-ST
Ngày: 13/3/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Mai Khanh.

Ông Lâm Hoàng Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 231/2025/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2026/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo:

Trần Thị Ngọc P; Sinh ngày: 18/3/1985; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú và thực tế cư trú: 53A đường số 4, Phường K, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 53A đường số 4, phường BP, Thành phố Hồ Chí Minh); Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn S và bà: Nguyễn Thị Q; Có chồng: Là ông Danh Phúc D (ly hôn ngày 06/7/2023) và con: Có 04 người con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh ngày 29/12/2025; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại.

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại:

1. Bà Lê Nguyễn Đăng Q1; Sinh năm: 1976; Thường trú: 104 đường ADV, Phường I, Quận E (nay là phường AĐ), Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 462A/8 đường THĐ, Phường B, Quận F (nay là phường CQ), Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

2. Bà Nguyễn Ánh T; Sinh năm: 1949; Trú tại: 462A/8 đường THĐ, Phường B, Quận E (nay là phường CQ), Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Phương T1; Sinh năm: 1999; Trú tại: 159/49 đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường 1, thành phố Vĩnh Long (nay là phường Long Châu), tỉnh Vĩnh Long.

(vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Thu T2; Sinh năm: 1980; Thường trú: 22 đường B1, phường PH, thành phố NT (nay là phường NNT), tỉnh Khánh Hòa.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Ngọc P và bà Lê Nguyễn Đăng Q1 cùng ở tại chung cư AC, địa chỉ 184 đường TVK, Phường J, Quận F nên quen biết nhau. Khoảng tháng 10/2022, biết bà Q1 và bà Nguyễn Ánh T (mẹ chồng của bà Q1) có nhu cầu tất toán trước hạn các lô trái phiếu do các Công ty TV, AĐ, BS, QT và Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn (SCB) phát hành với tổng số tiền là 6.900.000.000 đồng mà các bà Q1, T đang nắm giữ, nên P nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của các bà Q1, T. Để thực hiện ý định, P nói dối với bà Q1 là có quen ông Nguyễn Trần Anh V, Phó giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Chi nhánh Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và ông V có khả năng tất toán giúp số trái phiếu trên với mức phí là 7% trên tổng số tiền 6.900.000.000 đồng. Để tạo thêm lòng tin, P lập Nick Zalo giả tên "A V" và sử dụng nhiều sim điện thoại (sim rác, P không nhớ số) để đóng giả người tên H, tên T3, tên A và tên L, rồi tự xưng là nhân viên của V, nhắn tin cho bà Q1 về việc làm thủ tục tất toán các lô trái phiếu, đồng thời đưa ra nhiều vấn đề khó khăn, yêu cầu các bà Q1, bà T phải chuyển tiền để lo các dịch vụ như: Phí hồ sơ dịch vụ, phí chạy nguồn quỹ, phí đóng phạt rút tiền trước thời hạn, phí rút tiền lãi... Tin thật, các bà Q1, T đã nhiều lần chuyển tiền cho P. Và trong khoảng thời gian từ tháng 01/2023 đến tháng 4/2023, bà Q1 đã chuyển cho P tổng cộng 236.700.000 đồng, bà T đã chuyển cho P tổng cộng 199.403.000 đồng thông qua tài khoản của P mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam (số tài khoản 19035208686010, chủ tài khoản Trần Thị Ngọc P); trong những lần chuyển tiền trên, do tài khoản của P bị lỗi nên có 02 lần P yêu cầu bà Q1 chuyển tiền cho P thông qua các tài khoản số 050069306672 mở tại Ngân hàng Sacombank (chủ tài khoản Nguyễn Thị Thu T2) số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản số 0791000048691 mở tại Ngân hàng Vietcombank (chủ tài khoản Nguyễn Phương T1) số tiền 8.000.000 đồng.

Sau khi nhận của các bà Q1, T tổng cộng 436.103.000 đồng, P tiếp tục nói dối với bà Q1 "ông V đang nằm bệnh viện cần đóng tiền viện phí", "cúng giải hạn cho gia đình chị Q1" và "Hỗ trợ việc xử lý vé máy cho T3" nếu không sẽ khó khăn trong việc tất toán giúp bà Q1, nên bà Q1 đã chuyển tiền vào tài khản của P thêm

03 lần tổng cộng là 47.000.000 đồng (01 lần chuyển 23.000.000 đồng, 01 lần chuyển 17.000.000 đồng, 01 lần chuyển 7.000.000 đồng).

Về phần các bà Q1, T, sau khi đưa tiền cho P, chờ mãi không thấy các lô trái phiếu được tất toán trước hạn như lời P đã hứa, điện thoại cho P thì không liên lạc được. Nghi ngờ bị lừa nên các bà Q1, T đã đến Công an Phường 10, Quận 6 trình báo sự việc.

Qua truy xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 6 triệu tập Trần Thị Ngọc P lên trụ sở làm việc. Qua đấu tranh, P khai do hoàn cảnh khó khăn, đang nuôi 03 con nhỏ, nên đã nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của bà Lê Nguyễn Đăng Q1 và bà Nguyễn Ánh T như nêu trên. Và tổng số tiền mà P đã chiếm đoạt của bà Q1 và bà T là 483.103.000 đồng, số tiền này P sử dụng tiêu xài cá nhân. Ngoài ra, P khai không quen biết ai tên V và cũng không nhờ ai để lo thủ tục tất toán các lô trái phiếu; không có chuyện "A V" nằm viện và P cũng không tổ chức cúng sao giải hạn cho bà Q1 như đã hứa, tất cả chỉ do P nghĩ ra để các bà Q1, T tin tưởng mà chuyển tiền cho P.

Theo kết quả xác minh ngày 25/8/2023, Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn đã trả lời: Qua rà soát dữ liệu thông tin cán bộ nhân viên hiện đang công tác và đã nghỉ việc, không có cán bộ nhân viên tên Nguyễn Trần Anh V.

Ngày 13 tháng 11 năm 2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 6 ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự (Quyết định số: 195/QĐ-ĐTTH); khởi tố bị can đối với Trần Thị Ngọc P về tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản» (Quyết định số: 199/QĐ-ĐTTH).

Đối với bà Nguyễn Thị Thu T2 (chủ tài khoản số 050069306672, mở tại Ngân hàng Sacombank) và bà Nguyễn Phương T1 (chủ tài khoản số 0791000048691, mở tại Ngân hàng Vietcombank), là những người có hành vi nhận tiền từ bà Lê Nguyễn Đăng Q1 giúp Trần Thị Ngọc P, nhưng hai bà này không biết đó là tiền do P phạm tội mà có, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm.

Tại Cáo trạng số: 46/CT-VKS-KV3 ngày 05 tháng 8 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Thị Ngọc P về tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản» theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Bị cáo Trần Thị Ngọc P khai nhận chính bị cáo, đã thực hiện hành vi như nội dung bản cáo trạng nêu. Bị cáo xác nhận đã chiếm đoạt của bà Lê Nguyễn Đăng Q1 tổng cộng 283.700.000 đồng và bị cáo đã bồi thường cho bà Q1 30.000.000 đồng; chiếm đoạt của bà Nguyễn Ánh T 199.403.000 đồng. Nay bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà Q1 và bà T;

Bị hại Lê Nguyễn Đăng Q1 khai cũng tương tự và xác nhận bị cáo Trần Thị Ngọc P đã chiếm đoạt của bà tổng cộng 283.700.000 đồng; chiếm đoạt của bà Nguyễn Ánh T (mẹ chồng của bà) 199.403.000 đồng. Sau sự việc xảy ra, bị

cáo có bồi thường cho bà 30.000.000 đồng. Nay, về trách nhiệm dân sự, bà Q1 yêu cầu bị cáo bồi thường cho bà số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt là 253.700.000 đồng; bồi thường cho bà T 199.403.000 đồng; về trách nhiệm hình sự, bà Q1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý nghiêm đối với hành vi của bị cáo theo quy định pháp luật. Riêng 90.250.000 đồng, bà Q1 xác định trong đó có một phần là tiền bà tự nguyện cho bị cáo mượn, một phần là tiền bà hùn với bị cáo để mua máy ép nhựa và trong giai đoạn điều tra, bị cáo đã hoàn trả lại số tiền này cho bà, nên bà không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Thị Ngọc P như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Trần Thị Ngọc P từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù về tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản» theo điểm a khoản 3 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không phạt tiền đối với bị cáo, do bị cáo không có khả năng thi hành.

Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Trần Thị Ngọc P bồi thường cho bà Lê Nguyễn Đăng Q1 253.700.000 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Ánh T 199.403.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A22, màu tím, số seri: R58RB2B95RH, số Imei 1: 358475774820049, số Imei 2: 359111894820044 (đã qua sử dụng).

Lời nói sau cùng, bị cáo Trần Thị Ngọc P nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật, nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời và chăm sóc 04 con còn quá nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 6 (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quy định chung về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Ánh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt. Tuy nhiên, xét thấy sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng, không gây trở ngại gì đến việc giải quyết vụ án. Mặt khác, những người này cũng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2025 (sau đây gọi tắt là Bộ luật tố tụng hình sự).

[3] Đối chiếu lời khai của bị cáo Trần Thị Ngọc P, của bị hại Lê Nguyễn Đăng Q1 tại phiên tòa là phù hợp với nhau và phù hợp với Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu; Biên bản làm việc ngày 12/5/2023 về việc kiểm tra nội dung tin nhắn trong chiếc điện thoại di động thu giữ của bị cáo; Sao kê tài khoản của bị cáo do Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam cung cấp; Sao kê tài khoản của bà Lê Nguyễn Đăng Q1 do Ngân hàng Thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam cung cấp; Sao kê tài khoản của bà Nguyễn Ánh T do Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện LV cung cấp; lời khai của bị hại Nguyễn Ánh T, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị Thu T2, Nguyễn Phương T1 và của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ, lời khai khác có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Thị Ngọc P đã phạm tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản», tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 2015).

Biết bà Lê Nguyễn Đăng Q1 và bà Nguyễn Ánh T (mẹ chồng của bà Q1) có nhu cầu tất toán trước hạn các lô trái phiếu do Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn phát hành, bị cáo Trần Thị Ngọc P đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của các bà này bằng cách giả vờ nói có quen với một người tên Nguyễn Trần Anh V, Phó giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Chi nhánh Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và ông V có khả năng giúp lo tất toán trước hạn các lô trái phiếu cho các bà Q1, T. Sau đó, bị cáo lập nick Zalo giả người tên «A V», đồng thời sử dụng nhiều sim điện thoại «rác» để đóng giả là nhân viên của ông V, nhắn tin cho bà Q1 nhằm tạo lòng tin để các bà Q1, T chuyển tiền cho bị cáo. Tin thật, trong khoảng thời gian từ tháng 01/2023 đến tháng 4/2023, tại chung cư AC, địa chỉ 184 đường TVK, Phường J, Quận F, bà Q1 đã chuyển tiền vào tài khoản của bị cáo tổng cộng 283.700.000 đồng; bà T đã chuyển tiền vào tài khoản của bị cáo tổng cộng 199.403.000 đồng và bị cáo đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên của các bà Q1, T. Hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an xã hội. Và tổng số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của các bà Q1, T là 483.103.000 đồng. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản» thuộc trường hợp «tài sản bị chiếm đoạt trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng» theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Bị cáo Trần Thị Ngọc P là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo hoàn toàn nhận thức rõ được hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi nguy hiểm cho xã hội và được quy định trong Bộ luật hình sự, nhưng do tham lam, lười lao động, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Như đã nêu trên, trong khoảng thời gian từ tháng 01/2023 đến tháng 4/2023, bị cáo Trần Thị Ngọc P đã liên tiếp nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của các bà Lê Nguyễn Đăng Q1, Nguyễn Ánh T (lần chiếm đoạt tiền thấp nhất là 3.000.000 đồng), cho nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp «Phạm tội 02 lần trở lên» theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo Trần Thị Ngọc P là thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt bị cáo một mức án thật nghiêm khắc tương xứng, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa chung, góp phần vào công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay, nhất là các tội phạm về xâm phạm sở hữu. Tuy nhiên, xét bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân tốt (chưa có tiền án, tiền sự); mang thai trong quá trình truy cứu trách nhiệm hình sự (theo Kết quả chẩn đoán siêu âm ngày 15/9/2025 của Bệnh viện sản phụ khoa Hồng Phước, có 01 thai sống trong tử cung); hiện có 03 con nhỏ đều dưới 15 tuổi (trong đó có 01 người con dưới 36 tháng tuổi). Sau sự việc xảy ra, đã bồi thường một phần nhỏ thiệt hại (30.000.000 đồng) cho bị hại Lê Nguyễn Đăng Q1, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo khi lượng hình theo quy định tại điểm n, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Những nhận định trên cũng là căn cứ để chấp nhận một phần quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo Trần Thị Ngọc P còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra cho thấy bị cáo không có việc làm, không có thu nhập, điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Việc bồi thường thiệt hại:

[8.1] Bị cáo Trần Thị Ngọc P đã chiếm đoạt của bà Lê Nguyễn Đăng Q1 tổng cộng 283.700.000 đồng; chiếm đoạt của bà Nguyễn Ánh T tổng cộng 199.403.000 đồng. Quá trình điều tra, bị cáo đã bồi thường cho bà Q1 30.000.000 đồng, còn thiệt hại 253.700.000 đồng. Tại phiên tòa, bà Q1 yêu cầu bị cáo bồi

thường cho bà số tiền bị thiệt hại trên. Còn bà T tại phiên tòa vắng mặt, nhưng tại Cơ quan điều tra, bà T yêu cầu bị cáo bồi thường cho bà 199.403.000 đồng. Xét các yêu cầu bồi thường của bà Q1, bà T là có cơ sở và bị cáo cũng đồng ý bồi thường, nên Hội đồng xét xử ghi nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 và các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Kể từ ngày các bà Lê Nguyễn Đăng Q1, Nguyễn Ánh T có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Trần Thị Ngọc P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả số tiền nêu trên thì hàng tháng, bị cáo Trần Thị Ngọc P còn phải trả các bà Lê Nguyễn Đăng Q1, Nguyễn Ánh T khoản lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[8.2] Ngoài yêu cầu bồi thường trên, các bà Lê Nguyễn Đăng Q1, Nguyễn Ánh T không còn yêu cầu bồi thường nào khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Việc xử lý vật chứng: Phương tiện mà bị cáo Trần Thị Ngọc P dùng vào việc phạm tội là 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A22, màu tím, số seri: R58RB2B95RH, số Imei 1: 358475774820049, số Imei 2: 359111894820044 (đã qua sử dụng), Hội đồng xét xử tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

(theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 117/PNK ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Công an Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định chuyển vật chứng số: 37/QĐ-VKS-KV3 ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh; Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14 tháng 8 năm 2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh - bút lục 719, 727, 732)

[10] Các vấn đề khác:

[10.1] Đối với các bà Nguyễn Thị Thu T2, Nguyễn Phương T1, là những người có hành vi nhận chuyển khoản từ bà Lê Nguyễn Đăng Q1 giúp cho bị cáo Trần Thị Ngọc P. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Viện kiểm sát xác định các bà này không biết rõ số tiền đó là do bị cáo phạm tội mà có, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[10.2] Ngoài ra, tại phiên tòa ngày 22/9/2025, bà Lê Nguyễn Đăng Q1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc bị cáo Trần Thị Ngọc P đã lừa bà mua máy ép nhựa để chiếm đoạt số tiền 90.250.000 đồng. Để đảm bảo quyền lợi của bà Q1 và cũng để xem xét xử lý đối với hành vi của bị cáo theo quy định pháp luật (nếu có căn cứ), Hội đồng xét xử trả hồ sơ yêu cầu Viện kiểm sát điều tra làm rõ hành vi này của bị cáo. Quá trình điều tra bổ sung, bị cáo và bà Q1 đều xác định trong 90.250.000 đồng, có một phần là tiền bà Q1 tự nguyện cho bị cáo mượn, một

phần là tiền bà Q1 hùn với bị cáo để mua máy ép nhựa và bà Q1 không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với số tiền này, nên Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Tại phiên tòa hôm nay, một lần nữa bị cáo và bà Q1 khẳng định 90.250.000 đồng là giao dịch dân sự giữa hai bên, không liên quan gì đến hành vi chiếm đoạt tiền của bị cáo, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[11] Về án phí: Bị cáo Trần Thị Ngọc P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm n, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

- Xử phạt bị cáo **Trần Thị Ngọc P** 09 (chín) năm tù về tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản». Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025 và các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Trần Thị Ngọc P bồi thường cho bà Lê Nguyễn Đăng Q1 253.700.000 (hai trăm năm mươi ba triệu bảy trăm ngàn) đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Ánh T 199.403.000 (một trăm chín mươi chín triệu bốn trăm lẻ ba ngàn) đồng.

Kể từ ngày các bà Lê Nguyễn Đăng Q1, Nguyễn Ánh T có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Trần Thị Ngọc P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả số tiền nêu trên thì hàng tháng, bị cáo Trần Thị Ngọc P còn phải trả các bà Lê Nguyễn Đăng Q1, Nguyễn Ánh T khoản lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A22, màu tím, số seri: R58RB2B95RH, số Imei 1: 358475774820049, số Imei 2: 359111894820044 (đã qua sử dụng).

(theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14 tháng 8 năm 2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh - bút lục 727)

- Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2025 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trần Thị Ngọc P phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 22.124.120 (hai mươi hai triệu một trăm hai mươi bốn ngàn một trăm hai mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được hợp nhất theo Văn bản số: 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020 của Văn phòng Quốc hội); thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bị cáo Trần Thị Ngọc P; bị hại Lê Nguyễn Đăng Q1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại Nguyễn Ánh T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 3 - Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Chí Hòa;
- Phòng PV06 Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên

TAND KHU VỰC 3
NZC130326.TL.QDBA
2297